TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phảiúc**

Bản án số: 125/2020/HS- PT
Ngày: 27-04-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phảiần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kiều Lương

Các Thẩm phán: Bà Phảian Thị Thu Hương

Bà Hoàng Thị Thu Minh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Hà Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Ông Phan Hoàng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 04 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 76/2020/HSPT ngày 21 tháng 02 năm 2020, đối với các bị cáo: Nguyễn Văn U, Nguyễn Ngọc Ch và Nguyễn Trung T, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 04/2020/HS-ST ngày 08/01/2020, của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn U, sinh năm 1988 tại thành phố H

Nơi cư trú: 12/13, Đất Làng Ngh, phường V, quận H, Thành phố H; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1954, và con bà Đặng Thị H, sinh năm 1954; Có vợ là Trần Thị Huyền Tr, sinh năm 1991 và có 03 con (con nhỏ nhất sinh năm 2009, con lớn nhất sinh năm 2014);

Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt ngày 19/01/2019.

2. Nguyễn Ngọc Ch, sinh năm 1996 tại thành phố H.

Nơi cư trú: KDC Phải, phường Th, Thành phố H, tỉnh H; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam, Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam: không; Con ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1971

(đã chết), và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1972; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con nhỏ nhất và chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt ngày 19/01/2019.

7. Nguyễn Trung T, sinh ngày 12 tháng 5 năm 1999 tại H

Nơi cư trú: Thôn H3, xã Y, huyện L, tỉnh H; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Con ông Nguyễn Chí L, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1964; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con nhỏ nhất và chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt ngày 19/01/2019.

Trong vụ án còn có các bị cáo khác và người bị hại nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 03/2018, Nguyễn Văn U đến thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai hoạt động cho vay tiền dưới hình thức trả góp hàng ngày với mức lãi suất từ 12,15% đến 177,63%/tháng, lãi suất trung bình là 41%/tháng. Để thực hiện việc cho vay, U bỏ ra số tiền ban đầu là 70.000.000 đ (Bảy mươi triệu đồng) để cho vay và thuê Vũ Văn D, Nguyễn Trung T, Nguyễn Ngọc Ch, Dương Thanh S, Bùi Văn Đ, Nguyễn Đức H, Nguyễn Hải L, K (không rõ họ, địa chỉ), M (không rõ họ, địa chỉ) và H (không rõ họ, địa chỉ) tham gia cho vay tiền cùng U. U không trả lương cho D, T, S, Đ, H, Ch, L, K, M, H mà cho hưởng tiền phí hồ sơ là 10% mỗi hợp đồng và số tiền này do người vay trả. Đồng thời U cung cấp phương tiện đi lại (xe mô tô), nơi ăn ở và cho tiền chi phí đi lại, sinh hoạt hàng ngày từ 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng)/ngày đến 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng)/ngày để D, T, S, Đ, H, Ch, L, K, M, H đi cho vay và thu tiền trả góp hàng ngày.

Khi thực hiện việc cho vay, U in số điện thoại 0966690202 trên tờ rơi với nội dung: "Cho vay tiền trả góp, yêu cầu hộ khẩu, Chứng minh nhân dân photo, thủ tục nhanh, giải ngân trong ngày" rồi đi phát hoặc dán ở những nơi đông người qua lại. Khi những người có nhu cầu vay tiền sẽ liên lạc qua số điện thoại trên thì sẽ gặp U hoặc D và U hoặc D sẽ thỏa thuận về việc cho vay tiền, số tiền khách thực nhận, tiền phảií hồ sơ, số tiền góp hàng ngày và số ngày trả góp với mức lãi suất từ 12,15% đến 177,63%/tháng, lãi suất trung bình là 41%/tháng. U

quy định tiền phí làm hồ sơ là 10% trên tổng số tiền vay (nhưng cũng tùy từng người vay mà có một số trường hợp U thu tiền phí cao hơn 10% và cũng có trường hợp không thu tiền phí hồ sơ). Ngoài ra, cũng tùy trường hợp người vay mà U yêu cầu đóng trước tiền trả góp trước 01 ngày, 02 ngày hoặc không cần đóng trước. Nếu người vay tiền đồng ý vay thì đưa cho U sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy phép lái xe …. rồi U yêu cầu D, Ch, Đ, H, S, T, L, K, M, H đến nhà người vay tiền để xác minh điều kiện, hoàn cảnh của người vay như: có nhà ở, có tài sản và được sự đồng ý của người thân trong gia đình (vợ hoặc chồng) .... nếu đủ điều kiện thì báo lại cho U và U sẽ cho vay tiền. Đối với hợp đồng vay, U không ghi hợp đồng vay tiền mà soạn sẵn mẫu hợp đồng mua bán điện thoại trả góp, trên hợp đồng chỉ thể hiện số tiền người vay phải trả, thời gian trả góp, không ghi số tiền cho vay, không ghi lãi suất và người vay tiền sẽ ký vào hợp đồng. Cụ thể như sau:

- Trường hợp vay 2.000.000đ (Hai triệu đồng) thì U ghi trên hợp đồng số tiền phải trả là 2.600.000đ (Hai triệu sáu trăm ngàn đồng), trả góp trong thời gian 13 ngày, mỗi ngày 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng); người vay phải trả tiền phí làm hồ sơ 10% là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), đóng tiền trả góp trước 02 ngày (ngày đầu là ngày vay và ngày cuối) là 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng), nên thực tế người vay chỉ nhận được 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm ngàn đồng). Do đã đóng tiền trả góp ngày đầu và ngày cuối nên người vay chỉ phải trả góp thêm 11 ngày. Đối với những trường hợp không phải đóng tiền góp trước 02 ngày thì người vay nhận được 1.800.000đ (Một triệu tám trăm ngàn đồng) và trả góp trong 13 ngày.

- Trường hợp vay 3.000.000đ (Ba triệu đồng) thì U ghi trên hợp đồng số tiền phải trả là 3.800.000đ (Ba triệu tám trăm ngàn đồng), trả góp trong thời gian 19 ngày, mỗi ngày 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng); người vay phải trả tiền phí làm hồ sơ 10% là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng đóng tiền trả góp trước 02 ngày (ngày đầu và ngày cuối) là 400.000 đ (Bốn trăm ngàn đồng) nên người vay chỉ nhận được 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm ngàn đồng) và phải trả góp thêm 17 ngày. Đối với trường hợp không phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày thì người vay nhận được 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm ngàn đồng) và trả góp trong 19 ngày.

- Trường hợp vay 5.000.000đ (Năm triệu đồng) thì U ghi trên hợp đồng số tiền phải trả là 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), trả góp trong thời gian 25 ngày, mỗi ngày 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng); người vay phải trả tiền phí làm hồ sơ 10% là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng), đóng trước tiền trả góp 02 ngày (ngày đầu tiên và ngày cuối) là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng), nên

người vay chỉ nhận được 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) và phải trả góp thêm 23 ngày. Đối với trường hợp không phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày thì người vay nhận được 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng) và trả góp trong 25 ngày.

- Trường hợp vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng) thì trên hợp đồng ghi 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng), trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng); người vay phải trả tiền phí làm hồ sơ 10% là 1.000.000đ (Một triệu đồng), đóng trước tiền góp 01 ngày (ngày đầu) là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng), nên người vay chỉ nhận được 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm ngàn đồng) và phải trả góp thêm 23 ngày. Đối với trường hợp không phải đóng tiền trả góp trước 01 ngày thì người vay nhận được 9.000.000đ (Chín triệu đồng) và trả góp trong 25 ngày.

- Trường hợp vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) thì trên hợp đồng ghi 25.600.000đ (Hai mươi triệu sáu trăm ngàn đồng), trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng); người vay phải trả tiền phí làm hồ sơ là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng), đóng tiền trả góp trước 02 ngày (ngày đầu và ngày cuối) là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm ngàn đồng) nên người vay chỉ nhận được 17.900.000đ (Mười bảy triệu chín trăm ngàn đồng) và phải trả góp thêm 30 ngày.

Từ tháng 3/2018 đến tháng 01/2019, Nguyễn Văn U cùng đồng phạm đã cho nhiều người trên địa bàn thành phố Biên Hòa và các huyện Trảng Bom, Thống Nhất, Định Quán, Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu thuộc tỉnh Đồng Nai vay với lãi suất cao, thu lợi bất chính lớn. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phảiố Biên Hòa đã xác định, Nguyễn Văn U đã cho 323 người vay tiền với 570 hợp đồng, tổng số tiền ghi trên hợp đồng là 3.817.000.000đ (Ba tỷ tám trăm mười bảy triệu đồng). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã xác minh, ghi lời khai 164 người vay với 314 hợp đồng; trong đó có 40 hợp đồng người vay chưa trả xong nên không thu được lãi suất, có 07 hợp đồng người vay không xác định được thời gian (số ngày) trả tiền và không có phí hồ sơ nên không xác định được lãi suất và không đủ căn cứ để kết luận số tiền thu lợi bất chính, ngoài ra có 02 hợp đồng người vay khai chỉ trả tiền lãi hàng ngày (không trả tiền gốc) với số tiền ghi trên hợp đồng là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), thu lãi 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) nhưng Nguyễn Văn U không thừa nhận có cho những người này vay với hình thức trả lãi không trả tiền gốc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã xác minh những người vay 02 hợp đồng trên không có mặt tại địa phương nên không thể tiến hành đối chất để làm rõ, do đó chưa đủ căn cứ để kết luận. Đối với 265 hợp đồng còn lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố

Biên Hòa đã xác định tổng số tiền U cùng đồng phạm đã cho vay là 1.281.700.000đ (Một tỷ hai trăm tám mươi mốt triệu bảy trăm ngàn đồng), số tiền ghi trên hợp đồng là 1.777.000.000đ (Một tỷ bảy trăm bảy mươi bảy triệu đồng), tiền phí hồ sơ là 130.050.000đ (Một trăm ba mươi triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) với mức lãi suất thấp nhất là 12,15%/tháng, cao nhất là 177,63%/tháng, mức lãi suất trung bình là 41%/tháng, U cùng đồng phạm đã thu tiền lãi 365.250.000đ (Ba trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Điều 468 Bộ luật dân sự năm quy định lãi suất do các bên tự thỏa thuận, nhưng không vượt quá 20%/năm (tương đương 1,67%/ tháng). Nguyễn Văn U và đồng phạm đã cho 149 người vay tiền với 265 hợp đồng và lãi suất từ 12,15% đến 177,63%/tháng đã vượt gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định theo Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi U cùng đồng phạm thu được đối với 265 hợp đồng là 365.250.000đ (Ba trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự là 17.688.384đ (Mười bảy triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn ba trăm tám mươi bốn đồng), tiền lãi vượt quá quy định là 347.561.616 đ (Ba trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi mốt ngàn sáu trăm mười sáu đồng), tiền phí hồ sơ là 130.050.000đ (Một trăm ba mươi triệu không trăm năm mươi ngàn đồng). Như vậy, Nguyễn Văn U cùng đồng phạm đã thu lợi bất chính số tiền là 477.611.616đ (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm mười một ngàn sáu trăm mười sáu đồng), trong đó tiền lãi là 347.561.616 đ (Ba trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi mốt ngàn sáu trăm mười sáu đồng), tiền phí hồ sơ là 130.050.000đ (Một trăm ba mươi triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

Vũ Văn D tham gia cùng Nguyễn Văn U cho vay từ tháng 3/2018 đến tháng 01/2019, tham gia cho 149 người vay với tổng cộng 265 hợp đồng, thu lợi bất chính số tiền là 477.611.616 đ (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm mười một ngàn sáu trăm mười sáu đồng), trong đó tiền lãi là 347.561.616 đ (Ba trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi mốt ngàn sáu trăm mười sáu đồng), tiền phí hồ sơ là 130.050.000đ (Một trăm ba mươi triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

Dương Thanh S và Nguyễn Trung T đã tham gia cùng Nguyễn Văn U cho vay từ tháng 9/2018 đến tháng 01/2019 và đã tham gia cho 116 người vay với tổng cộng 134 hợp đồng, thu lợi bất chính là 228.323.916đ (Hai trăm hai mươi tám triệu ba trăm hai mươi ba ngàn chín trăm mười sáu đồng), trong đó tiền lãi là 164.723.916đ (Một trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn chín trăm mười sáu đồng), tiền phảií hồ sơ là 63.600.000đ (Sáu mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

Bùi Văn Đ, Nguyễn Đức H đã tham gia cùng Nguyễn Văn U cho vay từ tháng 10/2018 đến tháng 01/2019 và đã tham gia cho 97 người vay với 111 hợp đồng, thu lợi bất chính 193.456.668 đ (Một trăm chín mươi ba triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi tám đồng), trong đó tiền lãi là 138.956.668đ (Một trăm ba mươi tám triệu chín trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi tám đồng), tiền phảií hồ sơ là 54.500.000đ (Năm mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Nguyễn Ngọc Ch tham gia cùng Nguyễn Văn U cho vay từ tháng 11/2018 đến tháng 01/2019 và đã tham gia cho 63 người vay với 69 hợp đồng, thu lợi bất chính là 120.032.280đ (Một trăm hai mươi triệu không trăm ba mươi hai ngàn hai trăm tám mươi đồng), trong đó tiền lãi là 84.032.280đ (Tám mươi bốn triệu không trăm ba mươi hai ngàn hai trăm tám mươi đồng), tiền phí hồ sơ là 36.0000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng).

Ngày 17/01/2019, trong Công an phường Tr kiểm tra hành chính nhà không số tại Tổ 43, khu phố 4C, phường Tr, thành phố Biên Hòa của Nguyễn Văn U làm chủ thì phát hiện Nguyễn Văn U, Nguyễn Ngọc Ch, Bùi Văn Đ, Vũ Văn D, Nguyễn Đức H, Dương Thanh S, Nguyễn Trung T, Nguyễn Hải L không đăng ký tạm trú và trong nhà có nhiều đồ vật, tài liệu, hợp đồng có liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng nên Công an phường Tr đã lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa để xác minh, làm rõ. Ngày 19/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã bắt, tạm giữ Nguyễn Văn U, Nguyễn Ngọc Ch, Bùi Văn Đ, Vũ Văn D, Nguyễn Đức H, Dương Thanh S, Nguyễn Trung T để điều tra, xử lý về hành vi cho vay lãi nặng.

Vật chứng của vụ án thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Văn U:

- 2.255 tờ rơi cho vay tiền trả góp (lưu trong hồ sơ vụ án 04 tờ);

- 21 cuốn tập học sinh ghi chép liên quan thông tin hoạt động cho vay tiền trả góp của Nguyễn Văn U (lưu trong hồ sơ vụ án);

- 100 sổ hộ khẩu và 100 giấy chứng minh nhân dân phôtô, 570 Hợp đồng mua bán điện thoại trả góp và giấy vay tiền, 76 Giấy chứng minh nhân dân (bản chính) của người vay tiền, 73 Giấy khai sinh (bản chính), 04 hộ chiếu (bản chính), 26 Sổ hộ khẩu, 04 Sổ tạm trú (bản chính), 19 Giấy phép lái xe (bản chính), 12 Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô (bản chính), 10 Giấy đăng ký kết hôn (bản chính), 02 Giấy chứng nhận đăng ký kinh D (bản chính), 02 Thẻ hội viên Hội người cao tuổi (bản chính), 01 Thẻ hội viên Hội nông dân, 01 Thẻ hội viên Hội chữ thập đỏ (bản chính), 14 Thẻ và sổ bảo hiểm xã hội (bản chính), 01 Quyết định xuất ngũ (bản chính), 01 Sổ tiết kiệm (bản chính), 01 Giấy chứng nhận hộ nghèo

(bản chính) của những người vay tiền; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ để xác minh và xử lý sau.

- 04 ông tuýp sắt loại phi 21, 02 hộp mực để lăn tay, 02 thùng sơn loại 03 lít, 06 bình sơn xịt các loại thu giữ tại nơi ở của bị cáo Nguyễn Văn U;

- 01 xe ôtô hiệu KIA CARENS BKS: 30A-295.57; số khung: 022697, số máy: 393141 qua xác minh là của chị Trần Thị Huyền Tr (là vợ của Nguyễn Văn U) gửi lại cho U trông coi, quản lý.

- 01 xe môtô hiệu Honda Air Blade, biển số: 60B8-528.40, số khung 044343, số máy: 2064206 Nguyễn Văn U khai mua lại của 01 người không rõ họ tên, địa chỉ và sử dụng làm phương tiện đi cho vay tiền. Hiện nay chưa xác minh được chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau;

- 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số: 60F2-105.25, số khung 049458, số máy: 1049511 do Nguyễn Văn U nhận cầm cố của ông Phùng Văn C vào tháng 12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau;

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số: 37H1-263.05, số khung 018646, số máy: 051048 Nguyễn Đức H khai mua lại của 01 người không rõ họ tên, địa chỉ và sử dụng làm phương tiện đi cho vay tiền. Hiện nay chưa xác minh được chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau;

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số: 60B7-168.36, số khung 239803, số máy: 239735 Nguyễn Văn U khai mua lại của 01 người không rõ họ tên, địa chỉ và sử dụng làm phương tiện đi cho vay tiền. Hiện nay chưa xác minh được chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau;

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX biển số: 72D1-329.30, số khung 046521, số máy: 0108660 Nguyễn Văn U khai mua lại của 01 người không rõ họ tên, địa chỉ và sử dụng làm phương tiện đi cho vay tiền. Hiện nay chưa xác minh được chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau;

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave S biển số: 60B1-466.37, số khung 102481, số máy: 4119263 Nguyễn Văn U khai mua lại của 01 người không rõ họ tên, địa chỉ và sử dụng làm phương tiện đi cho vay tiền. Hiện nay chưa xác minh được

chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phảiố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau;

- 01xe mô tô hiệu Yamaha Mio, biển số: 60B9-192.36, số khung 026371, số máy: 026371 Nguyễn Văn U khai mua lại của 01 người không rõ họ tên, địa chỉ và sử dụng làm pương tiện đi cho vay tiền. Hiện nay chưa xác minh được chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau;

- 01 máy tính xách tay hiệu Asus core i3 màu đen, số seri: J48565150E, Check Number 6868 của Nguyễn Văn U đã bị hư hỏng, không khởi động được.

- 01 máy tính xách tay hiệu Asus Dell core i3 màu đen, số seri: 35582867894 của Nguyễn Văn U đã bị hư hỏng, không khởi động được;

- 01 máy tính xách tay hiệu Sony Vaio, Model SVE 14AA11W số: 23087/SDPPL/2012 2034 của Nguyễn Văn U đã bị hư hỏng, không khởi động được;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3, số Imei: 359929073302884 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA.1034, số Imei: 354481092862949 của Bùi Văn Đ sử dụng để liên lạc trong quá trình cho vay tiền;

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A71K, số Imei: 869602034616733 của Nguyễn Đức H sử dụng để liên lạc trong quá trình cho vay tiền;

- 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Note 6 Pro, số Imei: 868931035404380 của Nguyễn Hải L sử dụng vào việc cá nhân;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, số Imei: 353335075468879 của Nguyễn Trung T sử dụng để liên lạc trong quá trình cho vay tiền;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, số Imei: 3587053173939 của Vũ Văn D sử dụng để liên lạc trong quá trình cho vay tiền;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, số Imei: 356987061532931 của Dương Thanh S sử dụng để liên lạc trong quá trình cho vay tiền;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2, số Imei: 358206086506301 của Nguyễn Ngọc Ch sử dụng để liên lạc trong quá trình cho vay tiền;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy V SM-G313HZ, số Imei: 355593/06/904974/5 là của Nguyễn Ngọc Ch sử dụng để liên lạc cá nhân, không liên quan đến việc cho vay tiền;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, số Imei: 359989/05/806869/04 của Nguyễn Văn U đã bị hư hỏng không sử dụng được;

- 01 điện thoại di động hiệu Itel, số Imei: 354701091522462 của Nguyễn Văn U đã bị hư hỏng không sử dụng được;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, số Imei: 355352083376893 của Nguyễn Văn U sử dụng để liên lạc trong quá trình cho vay tiền;.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn D là anh ruột của bị cáo Nguyễn Văn U đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa giao nộp số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để khắc phục một phần hậu quả.

Tại bản án số 04/2020/HSST ngày 08/01/2020, của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã xét xử xã bị cáo Nguyễn Văn U, Nguyễn Ngọc Ch, và Nguyễn Trung T về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*

Áp dụng: khoản 2 Điều 201; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự; (áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T)

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U 01(một) năm 08 (tám) tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T 01(một) năm 08 (tám) tháng tù và xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Ch 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù của ba bị cáo tính từ ngày 19/01/2019

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, bồi thường dân sự và án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Vào các ngày 10, 15 và 16/01/2019, bị cáo Nguyễn Văn U, Nguyễn Ngọc Ch, và Nguyễn Trung T có đơn kháng cáo xin được giảm hình phạt.

- *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai*: Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "*Cho vay năng lãi trong giao dịch dân sự*" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đồng thời áp dụng khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Ch 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù và Nguyễn Trung T 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù là phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo, không nặng như kháng cáo của các bị cáo đã nêu.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Trung T và bị cáo Nguyễn Ngọc Ch có đơn rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo, việc rút đơn kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Ch và bị cáo T.

Riêng bị cáo Nguyễn Văn U vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm gia đình bị cáo có nộp

5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền khắc phục hậu quả, nhưng đây không phải là căn cứ để xem xét giảm nhẹ cho chị cáo, ngoài ra bị cáo cũng không cung cấp được tình tiết nào mới. Do vậy, không có cở sở để xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn U, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Trung T và bị cáo Nguyễn Ngọc Ch có đơn rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo, việc rút đơn kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Ch và bị cáo T.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn U:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn U thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu; Cụ thể khoảng từ tháng 03/2018 đến ngày 17/01/2019, các bị cáo Nguyễn Văn U, Vũ Văn D, Nguyễn Trung T, Bùi Văn Đ, Nguyễn Ngọc Ch, Nguyễn Đức H và Dương Thanh S đã có hành vi cho 149 người vay tiền với 265 hợp đồng với mức lãi suất từ 12,15% đến 177,63%/tháng, mức lãi suất hơn gấp 5 lần trở lên mức lãi suất cao nhất theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Các bị cáo đã sử dụng cho vay số tiền 1.281.700.000đ (một tỷ hai trăm tám mươi mốt triệu bảy trăm ngàn đồng). Tổng số tiền các bị cáo thu được là 365.250.000đ; trong đó tiền lãi theo quy định là 17.688.384đ; thu lợi bất chính số tiền 477.611.616đ (bốn trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm mười một ngàn sáu trăm mười sáu đồng), tiền lãi vượt quá quy định là 347.561.616đ và tiền phí hồ sơ là 130.050.000đ.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, xâm phạm lợi ích của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội *"Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Trung T và bị cáo Nguyễn Ngọc Ch có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo, xét việc rút đơn kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với hai bị cáo.

Riêng bị cáo Nguyễn Văn U tại phiên tòa phúc thẩm vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm gia đình bị cáo U có nộp 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền khắc phục quả, nhưng đây không phải là căn cứ để xem xét giảm nhẹ cho chị cáo, ngoài tình tiết nêu trên, bị cáo cũng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ xử phạt bị cáo U 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, là phù hợp, tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, không nặng như kháng cáo của bị cáo đã nêu. Do vậy, không có căn cứ để xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Riêng số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) gia đình bị cáo U nộp khắc phục hậu quả trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn U không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phảií hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo Nguyễn Trung T và Nguyễn Ngọc Ch không phải chịu án phảií hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn U. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 04/2020/HSST ngày 08/01/2020, của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Xử phạt bị cáo**:** Nguyễn Văn U 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2019.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc Ch và Nguyễn Trung T.

- Các bị cáo bị xét xử về tội *"Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự"*

4. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tiếp tục tạm giữ 5.000.000đ (năm triệu đồng) để đảm bảo thi hành án cho bị cáo U (Biên lại thu số 001540 ngày 23/04/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai)

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Văn U phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Trung T và Nguyễn Ngọc Ch không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm,

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP Biên Hòa (2);
- Viện kiểm sát nhân TP Biên Hòa;
- Công an TP Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Kiều Lương